TAND HUYỆN P **TỈNH H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 12/2021/QĐST-HNGĐ	*P, ngày 09 tháng 02 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
C NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH H

- Căn cứ vào các điều 212, 213, khoản 4 Điều 397; Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các điều 51, 55, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 08/2021/TLST-HNGĐ ngày 25/01/2021 về việc "*Yêu cầu C nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn ",* gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** **Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:***

1. Nguyễn Huy C, sinh năm 1992;

Hộ khẩu thường trú: Thôn Khả Duy, xã Đoàn Đào, huyện P, tỉnh H;

2. Nguyễn Thị D, sinh năm 1996;

Hộ khẩu thường trú: Thôn Khả Duy, xã Đoàn Đào, huyện P, tỉnh H;

Chỗ ở: Thôn B, xã C, huyện L, tỉnh B.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***:

Cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 06/10/2018;

Hộ khẩu thường trú: Xóm Đông, thôn Khả Duy, Đoàn Đào, huyện P, tỉnh H;

Chỗ ở: Thôn B, xã C, huyện L, tỉnh B;

Đại diện theo pháp luật cho cháu T: Anh Nguyễn Huy C và chị Nguyễn Thị D - là bố mẹ đẻ của cháu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Huy C và chị Nguyễn Thị D kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đoàn Đào, huyện P, tỉnh H vào ngày 17/01/2018 theo đúng quy định của pháp luật nên

quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị D là hợp pháp, được pháp luật C nhận. Trong quá trình chung sống, anh C và chị D sống với nhau không hạnh phúc, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, thời gian vợ chồng chung sống cùng nhau rất ít, mỗi người ở một nơi nên vợ chồng ít quan tâm, chia sẻ và không hiểu nhau, không tin tưởng nhau. Vợ chồng anh C, chị D đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2020 cho đến nay không ai còn quan tâm và có trách nhiệm gì với nhau nữa. Nay cả hai anh chị đều xác định vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cả hai anh chị đều thống nhất thuận tình ly hôn, đề nghị Tòa án C nhận. Xét đây là sự tự nguyện của hai anh chị nên cần được chấp nhận.

[2]Về con chung: Anh C và chị D đều xác nhận vợ chồng có 01 con chung trong thời kỳ hôn nhân là cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 06/10/2018, hiện nay cháu T đang ở cùng chị D. Anh C và chị D tự nguyện thỏa thuận thống nhất giao cháu T cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Anh C và chị D tự nguyện thỏa thuận thống nhất anh C không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D. Xét đây là sự tự thỏa thuận của các đương sự nên cần được ghi nhận.

[3]Về tài sản chung, nợ chung, C sức đóng góp, ruộng canh tác: Anh C và chị D xác định vợ chồng không có gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]Về lệ phí*:* Các bên đương sự thỏa thuận thống nhất, anh Nguyễn Huy C tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm việc hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật. Xét đây là sự tự thỏa thuận của anh C và chị D nên cần được ghi nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. C nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. **Về quan hệ hôn nhân***:* Anh Nguyễn Huy C và chị Nguyễn Thị D tự nguyện thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Anh Nguyễn Huy C và chị Nguyễn Thị D thỏa thuận thống nhất giao cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 06/10/2018 cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự, anh C không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D.

Sau khi ly hôn anh C được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, chị D và gia đình chị D không ai được quyền cản trở.

1.3. **Về tài sản chung, nợ chung, C sức đóng góp, ruộng canh tác:** Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Anh Nguyễn Huy C và chị Nguyễn Thị D tự nguyện thỏa thuận anh C chịu toàn bộ 300.000 đồng tiền lệ phí sơ thẩm việc hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh C đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu

tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003838 ngày 25/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh H. Anh C đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- TAND tỉnh H;
- UBND xã Đ
(GCNKH số 04/2018)
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Mạnh Q